TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 03 – 4 – 2025.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trực.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2023/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2023, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Địa chỉ: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh V – Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, khu

vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Đại diện theo ủy quyền). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Việt T sống chung từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, và có thái độ, lời nói cộc cằn trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T (giới tính: nữ), sinh ngày 22/3/2007 và Nguyễn Trần T (giới tính: nam), sinh ngày 15/3/2009. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 4.000.000 (bốn triệu đồng).

- Về tài sản chung gồm có:

+ Thửa số: 2361, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ: số 141 đường Lê Quí Đôn, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng cùng đứng tên. Bao gồm nhà ở gắn liền với đất. Hiện tại gia đình đang sinh sống. Thửa đất này là do cha, mẹ ruột của bà cho tiền để mua. Còn căn nhà gắn liền với đất được xây dựng từ nguồn tiền riêng của bà là 300.000.000 đồng (do được Nhà nước đền bù, giải toả đất để xây dựng nhà tang lễ tỉnh Hậu Giang) và số tiền 500.000.000 đồng do vợ, chồng vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hậu Giang. Đối với thửa đất này, Bà yêu cầu chia như sau: Bà yêu cầu được nhận 80%, ông T nhận 20% do công sức đóng góp của bà nhiều hơn. Bà yêu cầu được nhận nhà và đất, đồng ý sẽ hoàn trả giá trị cho ông Nguyễn Việt T.

+ Thửa số 2381, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ: Đường Lương Định Của, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng cùng đứng tên. Thửa đất này do cha mẹ ruột của bà cho 140.000.000 đồng để mua. Bà yêu cầu được chia tài sản này, bà yêu cầu được nhận 80% và ông Nguyễn Việt T nhận 20% vì bà có công sức đóng góp nhiều hơn.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội số tiền 500.000.000 đồng, vay để cất nhà đang ở hiện tại. Bà yêu cầu chia đôi mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ này. Số tiền nợ này hiện nay bà đã tự thanh toán xong cho Ngân hàng Chính sách Xã hội, yêu cầu ông Nguyễn Việt T trả lại cho bà ½ số tiền nợ nêu trên là 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thanh T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Về tài sản chung bà yêu cầu chia theo tỷ lệ bà được hưởng 60%, ông Nguyễn Việt T được hưởng 40%. Bà được nhận nhà và thửa đất số 2361, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ: số 141 đường Lê Quí Đôn, khu vực 1, phường III, thành

phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; giao thửa đất số 2381, tờ bản đồ số 20. Địa chỉ: Đường Lương Định Của, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Việt T sử dụng. Bên nào hưởng tài sản bằng hiện vật sẽ giao trả giá trị của tài sản được phân chia cho bên kia. Về con chung bà yêu cầu được nuôi hết 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng. Các phần khác giữ nguyên yêu cầu như trước đây.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Việt T trình bày: Về việc xác lập quan hệ hôn nhân, có 02 con chung và có các tài sản chung, nợ chung đang tranh chấp trong vụ án như bà Trần Thanh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thanh T. Về con chung: Ông không thống nhất việc giao hai con chung cho bà Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông muốn đưa ra hai phương án sau: Phương án 1: Con đã lớn, con ở bên nào người đó nuôi hoặc tính theo pháp luật quy định. Phương án 2: Ông nhận phần nhà và đất, hoàn lại giá trị nhà còn lại cho nguyên đơn với tỷ lệ ông 70%, bà Trần Thanh T 30%. Về phần 02 con chung sống với ông, ông không yêu cầu cấp dưỡng và phần nợ vay Ngân hàng 500.000.000 đồng ông tự trả. Tại phiên hòa giải ngày 06/9/2024, ông Nguyễn Việt T yêu cầu như sau: Về quan hệ hôn nhân ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thanh T. Về con tùy theo nguyện vọng của con sống chung với bên nào thì người đó nuôi hoặc tính theo pháp luật quy định. Về tài sản chung yêu cầu chia đôi theo quy định pháp luật. Về nợ chung yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ chung.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Việt T có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia các tài sản chung khác nhưng sau đó ông Nguyễn Việt T đã tự nguyện rút lại yêu cầu phản tố và Tòa án đã đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Việt T theo Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố số: 01/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29/02/2024, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Việt T vắng mặt không có lý do.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội do ông Nguyễn Minh V đại diện trình bày: Bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Việt T có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách Xã hội – Chi nhánh tỉnh Hậu Giang với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Do bên vay đã thực hiện đúng nội dung của Hợp đồng tín dụng được ký kết nên Ngân hàng Chính sách Xã hội không yêu cầu bên vay trả nợ trước hạn trong vụ án ly hôn, khi có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Phát biểu về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Việt T chung sống với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn ông bà đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng đã tạo điều kiện hoà giải nhưng bà Trần Thanh T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Việt T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thanh T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Trần Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung, tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/3/2007 và Nguyễn Trần T, sinh ngày 15/3/2009. Bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Việt T đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy con chung tên Nguyễn Thanh T hiện nay đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục của các bên. Đối với con chung tên Nguyễn Trần T hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì con chung tên Nguyễn Trần T cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Trần Thanh T khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Nguyễn Trần T cho bà Trần Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Việt T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thanh T chưa có yêu cầu. Ông Nguyễn Việt T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án các đương sự hiện nay thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản chung gồm: Thửa đất số 2361, tờ bản đồ số 20 diện tích 99m^2 tại đường Lê Quí Đôn, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; căn nhà trên thửa đất số 2361 được xây dựng vào năm 2020 và thửa đất số 2381, tờ bản đồ số 20 diện tích 93,6m^2 tại đường Lương Định Của, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Bà Trần Thanh T yêu cầu chia cho bà 80% giá trị các tài sản nêu trên do nguồn gốc tài sản bà được gia đình tặng cho phần đất khác sau đó bị quy hoạch mới lấy số tiền quy hoạch đất để mua các tài sản này. Ông Nguyễn Việt T không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được chia đôi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, các bên có tranh chấp về việc chia theo phần giá trị tài sản chung nhưng không bên nào cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung. Nay Hội đồng xét xử xem xét phân chia theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Hiện nay các con chung đều chọn sống với bà Trần Thanh T nên cần ổn định phần đất có nhà thuộc thửa đất số 2361, tờ bản đồ số 20 diện tích 99m^2

tại đường Lê Quí Đôn, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cho bà T được quyền sở hữu, sử dụng; giao phần đất không có nhà thuộc thửa đất số 2381, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,6m^2 tại đường Lương Định Của, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Việt T được quyền sử dụng. Về giá trị tài sản chia cho bà Trần Thanh T được phần nhiều hơn để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và ổn định cuộc sống theo tỷ lệ bà Trần Thanh T được chia 60% giá trị tài sản, ông Nguyễn Việt T được chia 40% giá trị tài sản.

Theo chứng thư thẩm định giá số 147 ngày 27/5/2024 của Công ty thẩm định giá Thống Nhất:

- Thửa đất 2361, diện tích 99m^2, đất ODT có giá là 2.263.437.000 đồng.

- Thửa 2381, diện tích 93,6m^2, đất ODT có giá là 1.105.790.400 đồng.

- Nhà diện tích 237,5m^2, giá trị sử dụng còn lại 80% có giá trị là 1.049.847.040 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 4.419.074.440 đồng làm tròn là 4.419.074.000 đồng. Các đương sự thống nhất kết quả trên để làm căn cứ giải quyết vụ án. Khi phân chia bà Trần Thanh T được hưởng 60% tài sản có giá trị là 2.651.444.400 đồng. Ông Nguyễn Việt T được hưởng 40% tài sản có giá trị là 1.767.629.600 đồng.

Thực tế khi phân chia tài sản thì bà Trần Thanh T đang được phân chia phần nhà và đất bằng hiện vật có giá trị là 3.313.284.000 đồng. Ông Nguyễn Việt T đang được phân chia phần đất bằng hiện vật có giá trị là 1.105.790.000. Do đó, bà Trần Thanh T phải có trách nhiệm giao lại cho ông Nguyễn Việt T số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 661.839.600 đồng.

[4] *Về nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận phần nợ chung Ngân hàng Chính sách Xã hội là 500.000.000 đồng, vay để xây dựng nhà ở. Hiện nay bà Trần Thanh T đã tự thanh toán xong số nợ nêu trên cho Ngân hàng Chính sách Xã hội nên buộc ông Nguyễn Việt T phải trả lại cho bà Trần Thanh T ½ số nợ nêu trên là 250.000.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền chênh lệch giá trị tài sản được phân chia mà ông Nguyễn Việt T được hưởng. Như vậy, số tiền bà Trần Thanh T phải có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Việt T khi phân chia tài sản là 661.839.600 đồng – 250.000.000 đồng = 411.839.600 đồng.

[5] *Về quyền lưu cư khi ly hôn:* Do sau khi ly hôn ông Nguyễn Việt T phải giao căn nhà là chỗ ở chung của vợ chồng cho bà Trần Thanh T được quyền sở hữu, nếu có khó khăn về chỗ ở thì ông Nguyễn Việt T được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để chuẩn bị chỗ ở mới.

[6] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: Về ý kiến và đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ lược đồ đất tranh chấp và thẩm định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 24.570.000 đồng. Buộc mỗi bên phải chịu ½ số tiền nêu trên.

[9] Đối với sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Việt T là bị đơn; Ngân hàng Chính sách Xã hội là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 59, 63, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Việt T.

2. Về con chung: Bà Trần Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Trần T, sinh ngày 15/3/2009. Ông Nguyễn Việt T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thanh T chưa có yêu cầu. Ông Nguyễn Việt T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Bà Trần Thanh T được quyền sở hữu, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 2361, tờ bản đồ số 20, diện tích 99m^2 loại đất ODT, tọa lạc tại đường Lê Quí Đôn, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 206604, số vào sổ cấp GCN: CH04941 do Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp ngày 03/4/2015 và căn nhà trên thửa đất số 2361 nêu trên có kết cấu: Nhà ở độc lập có tầng (01 trệt, 02 lầu), khung cột bê tông cốt thép, sàn bê tông cốt thép, vách tường, mái bê tông cốt thép, nền lót gạch Ceramic, được xây dựng vào năm 2020. (Có lược đồ kèm theo). Buộc ông Nguyễn Việt T có trách nhiệm giao phần đất và căn nhà trên đất thuộc thửa đất số 2361, tờ bản đồ số 20, diện tích 99m^2 loại đất ODT, tọa lạc tại đường Lê Quí Đôn, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cho bà Trần Thanh T được quyền sở hữu, sử dụng. Ông Nguyễn Việt T được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để chuẩn bị chỗ ở mới nếu có khó khăn về chỗ ở.

- Ông Nguyễn Việt T được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 2381, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,6m^2, loại đất ODT, tọa lạc tại đường Lương Định Của, khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 176378, số vào sổ cấp GCN: CH04351 do Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp ngày 24/9/2014. (Có lược đồ kèm theo). Buộc bà Trần Thanh T có trách nhiệm giao phần đất này cho ông Nguyễn Việt T được quyền quản lý, sử dụng.

- Buộc bà Trần Thanh T phải có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Việt T phần giá trị tài sản chênh lệch được hưởng sau khi đã khấu trừ phần nợ chung của Ngân hàng Chính sách Xã hội mà bà Trần Thanh T đã thanh toán xong với số tiền là 411.839.600 (Bốn trăm mười một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm) đồng.

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc bà Trần Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung buộc bà Trần Thanh T phải chịu 85.028.800 (tám mươi lăm triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm) đồng. Bà Trần Thanh T được khấu trừ 36.300.000 (ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000688 ngày 22/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, bà Trần Thanh T phải nộp thêm phần còn thiếu là 49.028.800 (bốn mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm) đồng.

Buộc ông Nguyễn Việt T phải chịu 65.028.800 (sáu mươi lăm triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

5. Tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng cộng là 24.570.000 (hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng, bà Trần Thanh T đã nộp xong, buộc mỗi bên phải chịu ½. Buộc ông Nguyễn Việt T phải nộp số tiền 12.285.000 (mười hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn) đồng để giao trả lại cho bà Trần Thanh T đã nộp tạm ứng trước.

6. Nguyên đơn bà Trần Thanh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Việt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường I;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện